BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN THỊ LIÊN

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 9.38.01.04

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2019

Công trình được hoàn thành tại:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học ***:TS. Vũ Gia Lâm***

TS. Nguyễn Văn Tuân

Phản biện 1 **: TS.Nguyễn Đức Hạnh**

Phản biện 2 **: TS.Nguyễn Thu Hiền**

Phản biện 3 **: TS.Quản Minh Cường**

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp trường, họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội, vào hồi.... ngày ..../..../2019.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1) Thư viện Quốc gia Việt Nam

2) Thư viện trường Đại học Luật Hà Nội

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSV	Kiểm sát viên
Luật TCVKSND	Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân
Luật TCTAND	Luật tổ chức Tòa án nhân dân
NCS	nghiên cứu sinh
Quy chế THQCT và KSXX	Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử
TAND	Tòa án nhân dân
THQCT	thực hành quyền công tố
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
XXSTVAHS	xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

MỞ ĐẦU

Trước khi BLTTHS năm 2015 có hiệu lực, hoạt động THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS được điều chỉnh bởi các quy định trong BLTTHS năm 2003, Luật tổ chức VKSND năm 2002 và các văn bản khác có liên quan. Tuy nhiên, các quy định về THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS trong các văn bản này còn tồn tại nhiều bất cập: (1) BLTTHS năm 2003 chưa có quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS; (2) BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS nhưng vẫn còn nhiều điểm chưa thống nhất và rõ ràng. Thực tiễn quy định pháp luật này đã dẫn đến một số những hạn chế, vướng mắc trên thực tiễn thi hành. Bên cạnh đó, một số những hạn chế do những nguyên nhân khác cũng góp phần khiến cho hoạt động THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS chưa thực sự đảm bảo chất lượng.

Từ góc độ nghiên cứu, mặc dù đã có nhiều nhà khoa học nghiên cứu về quyền công tố, thực hành quyền công tố… nhưng chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu chuyên sâu về THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS kể từ khi BLTTHS năm 2015 có hiệu lực đến nay. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc cần phải có một công trình nghiên cứu khoa học có tính hệ thống, toàn diện về THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Xuất phát từ các lý do này, NCS đã quyết định lựa chọn đề tài "*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*" là nội dung nghiên cứu trong luận án tiến sĩ của mình.

Mục đích nghiên cứu của đề tài luận án là trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận về THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS, thực trạng quy định của pháp luật và thực tiễn THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS, đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS. Với mục đích này, luận án có những nhiệm vụ là: làm rõ tổng quan tình hình nghiên cứu về THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS, chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu; làm rõ những vấn đề lý luận về THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS, đặc biệt là khái

niệm và đặc điểm của THQCT trong giai đoạn này; phân tích, đánh giá thực trạng quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành quy định của pháp luật về THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS (những kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc); Xác định yêu cầu và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS. Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người, về chiến lược cải cách tư pháp và về việc xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, đồng thời sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành phù hợp khác như: phân tích, chứng minh, so sánh, diễn giải và phương pháp xã hội học để làm sáng tỏ những vấn đề nghiên cứu.

Ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn của luận án là:

- Luận án là công trình khoa học ở cấp độ luận án tiến sĩ đầu tiên sau khi BLTTHS năm 2015 có hiệu lực nghiên cứu trực tiếp và chi tiết về vấn đề THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS.

- Những kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận khoa học về THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS. Trên phương diện pháp luật, những phân tích, đánh giá của luận án về thực trạng quy định của pháp luật về THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS là cơ sở để hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về THQCT của VKS trong giai đoạn này.

- Những giải pháp mà luận án đưa ra có ý nghĩa thiết thực trong việc giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong thực tiễn thi hành pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về THQCT của VKS, đáp ứng yêu cầu về cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS.

- Kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo thiết thực cho nghiên cứu, giảng dạy và xây dựng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Ngoài phần mở đầu, phần tổng quan về vấn đề nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, phần kết quả nghiên cứu của luận án bao gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Chương 2: Pháp luật tố tụng hình sự Việt nam về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và thực tiễn thi hành.

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Quyền công tố là quyền buộc tội của Nhà nước đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Thực hành quyền công tố là hoạt động áp dụng pháp luật của Viện kiểm sát thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người có hành vi phạm tội, được bắt đầu từ khi tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố cho đến khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn XXSTVAHS là sự tiếp nối, kế tục của THQCT trong giai đoạn điều tra, truy tố nhưng thể hiện rõ nét và đầy đủ hơn bản chất của quyền công tố là quyền đại diện Nhà nước để buộc tội người phạm tội trước Tòa và bảo vệ sự buộc tội đó.

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn XXSTVAHS phản ánh cụ thể chức năng buộc tội của Nhà nước đối với người có hành vi nguy hiểm cho xã hội, trước hết là để bảo vệ lợi ích chung của Nhà nước, của tập thể rồi mới đến lợi ích của cá nhân.

Thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS được thực hiện song hành cùng với hoạt động kiểm sát xét xử, nhưng chỉ có THQCT mới hướng đến đối tượng là người bị buộc tội và chỉ khi nào THQCT thì VKS mới được giao các quyền năng tố tụng để thực hiện việc buộc tội người phạm tội trước Tòa.

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn XXSTVAHS được giới hạn trong phạm vi thời gian bắt đầu và kết thúc của giai đoạn XXSTVAHS và được giới hạn bởi địa vị pháp lý của VKS và Tòa án trong giai đoạn XXSTVAHS.

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là tổng hợp các hoạt động của VKS buộc tội người phạm tội, bắt đầu kể từ khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án và kết thúc khi hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị, bảo

đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện, xử lý, không để lọt tội phạm và người phạm tội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

1.2. Nội dung của thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Các nội dung THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS có thể chia thành ba nhóm hoạt động thực hiện ở ba thời điểm: trước khi mở phiên tòa, tại phiên tòa và sau khi kết thúc phiên tòa XXSTVAHS.:

Thứ nhất, THQCT trước khi mở phiên tòa XXSTVAHS: đề nghị Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung, đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng hoặc người tham gia tố tụng khác đến tham dự phiên tòa.

Thứ hai, THQCT tại phiên tòa xét xử XXSTVAHS bao gồm: Công bố cáo trạng, tham gia xét hỏi, trình bày luận tội, đối đáp, tranh luận; rút quyết định truy tố, kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội đã truy tố, kết luận về khoản khác với khoản đã truy tố trong cùng một điều luật.

Thứ ba, THQCT sau khi kết thúc phiên tòa: kháng nghị bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm nếu nhận thấy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng, làm oan, sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

1.3. Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

THQCT và kiểm sát xét xử là hai chức năng độc lập với nhau nhưng cùng được thực hiện song hành với nhau, chức năng này là tiền đề, là cơ sở của chức năng kia và ngược lại. Kiểm sát xét xử đặc biệt có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực của THQCT xét dưới các góc độ sau:

- Kiểm sát xét xử sơ thẩm VAHS tạo điều kiện cho THQCT tiếp cận các vi phạm pháp luật của Tòa án sớm nhất để kịp thời phát hiện, khắc phục hoặc đề nghị Tòa án khắc phục những vi phạm pháp luật về tố tụng mà những vi phạm đó có khả năng dẫn đến oan, sai và bỏ lọt tội phạm.

- Kiểm sát XXSTVAHS góp phần phản ánh chất lượng THQCT của VKS ở các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố trước đó để kịp thời khắc phục những hạn chế, bất cập, phát huy những kết quả đã có trong công tác THQCT. Ví dụ, thông qua việc kiểm sát sự có mặt của những người được Tòa án triệu

tập đến phiên tòa, VKS có thể phát hiện ra sự thiếu sót trong quá trình thu thập chứng cứ từ việc lấy lời khai của người tham gia tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, từ đó giúp tìm ra nguyên nhân của sai lầm và có giải pháp thích hợp để sửa chữa, khắc phục những sai lầm đó.

- Làm tốt nhiệm vụ kiểm sát xét xử sơ thẩm VAHS giúp cho hoạt động THQCT thêm chính xác và bảo đảm tính khách quan trong quá trình kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp đối với các quyết định giải quyết các vấn đề của vụ án, từ đó bảo đảm việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Kiểm sát xét xử sơ thẩm VAHS góp phần cùng với THQCT thực hiện quyền lực Nhà nước, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

- Thực hiện kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự song song với THQCT góp phần tạo điều kiện để Tòa án ra bản án khách quan, công minh, đúng pháp luật, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân vào hoạt động xét xử của Tòa án, nâng cao uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là VKS và Tòa án.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Việc nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS không chỉ phụ thuộc vào kết quả THQCT trong giai đoạn điều tra, truy tố mà còn phụ thuộc vào bốn yếu tố cơ bản sau:

- Yếu tố pháp luật;
- Yếu tố con người;
- Yếu tố về việc quản lý, chỉ đạo, điều hành, phân công, phân nhiệm.
- Yếu tố cơ sở vật chất, trang thiết bị, chế độ đãi ngộ.

Chương 2
PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH

2.1 Khái lược lịch sử phát triển quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.1.1 Quy định về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trước khi có BLTTHS năm 1988

- Trước khi có BLTTHS năm 1988, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS nói chung và THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS nói riêng nằm rải rác trong các văn bản pháp luật khác nhau. Trong đó, đáng chú ý nhất là sự ra đời của Luật TCVKSND năm 1960 đã đánh dấu sự hình thành của VKS với tư cách là một thiết chế độc lập. Thời kì đầu, chức năng THQCT chưa được ghi nhận như một chức năng độc lập của VKS nên các hoạt động của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS đều thuộc chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật.

- Quy định trong Luật TCVKS năm 1960 và một số văn bản pháp luật khác chưa có sự phân định rõ ràng nhiệm vụ công tố của VKS với nhiệm vụ của các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác: việc xây dựng cáo trạng lại chủ yếu thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra, VKS chỉ thực hiện thẩm quyền phê chuẩn cáo trạng; Tòa án có thể xét xử mà không cần cáo trạng của VKS; KSV có thể vắng mặt tại phiên tòa mà Tòa án vẫn xét xử bình thường; trong quá trình xét xử, việc đọc cáo trạng do Thư kí Tòa án thực hiện, trong qua trình xét hỏi và tranh luận, Thẩm phán có thể hạn chế thời gian tranh luận của KSV; sau khi XXSTVAHS, KSV có thể kháng nghị ngay cả trong trường hợp trước đó không tham dự phiên tòa.

- Hiến pháp năm 1980 và Luật TCVKSND năm 1980 ra đời lần đầu tiên ghi nhận chức năng THQCT của VKS độc lập với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật.. Từ đây, chỉ có VKS là chủ thể duy nhất có quyền truy tố người phạm tội bằng bản cáo trạng; tại phiên tòa, Kiểm sát viên là người đọc cáo trạng chứ không phải là Thư kí Tòa án.

2.1.2 Quy định về thực hành quyền công tố trong giai đoạn XXSTVAHS của BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003

- Sự ra đời của BLTTHS năm 1988 và tiếp theo đó là Luật TCVKSND năm 2002 đã đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ trong công tác lập pháp của nước ta trong giai đoạn này. Từ đó, các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đã dần được hình thành.

- BLTTHS năm 1988 là BLTTHS đầu tiên của nước ta đã thể hiện khá rõ các hoạt động THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS. Tuy nhiên, một số quy định trong BLTTHS năm 1988 chưa thể hiện được vai trò của VKS trong việc THQCT.

- Quy định về hoạt động THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS của BLTTHS năm 2003 một mặt kế thừa các quy định trong BLTTHS năm 1988, mặt khác đã khắc phục được một số bất cập trong quy định của BLTTHS năm 1988, trong đó có việc quy định cụ thể về những người tiến hành tố tụng của VKS là Viện trưởng, Phó viện trưởng và Kiểm sát viên.

- BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003 đều chưa ghi nhận quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS, mặc dù hoạt động này trên thực tế đã được thi hành trong rất nhiều năm. Chính vì vậy, sau hơn mười năm thi hành, BLTTHS năm 2003 đã bộc lộ nhiều bất cập và đặt ra yêu cầu bức thiết về việc cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình giải quyết vụ án hình sự trong bối cảnh kinh tế, xã hội đã có nhiều thay đổi.

2.2 Quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.2.1. Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- Đề nghị Tòa án trả hồ sơ khi phát hiện có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung: quy định tại Khoản 2 Điều 280 BLTTHS năm 2015; Thông tư liên tịch số 02/2017/VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/7/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của BLTTHS về trả hồ sơ điều tra bổ sung.

- Rút quyết định truy tố: (điểm c , khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015). Bất cập trong quy định này thể hiện ở chỗ (1) không quy định cụ thể về việc thẩm quyền đình chỉ vụ án khi VKS rút toàn bộ quyết định truy tố ở thời điểm sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, trước khi mở phiên tòa; (2): không quy định cụ thê việc VKS có thể rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa.

- Yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét: BLTTHS năm 2015 cũng không quy định về việc VKS có quyền đề nghị Tòa án triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa nhưng Điều 287 BLTTHS năm 2015 quy định về thẩm quyền của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong việc triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa thì lại nêu rõ việc triệu tập của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa căn cứ vào "quyết định đưa vụ án ra xét xử, *yêu cầu của KSV*, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác".

2.2.2. Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

** Công bố cáo trạng, quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa*: (điểm a, khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015; Điểm l, khoản 1 Điều 42 BLTTHS năm 2015; Điều 306 BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 18 Luật TCVKSND năm 2014; Điều 23 Quy chế THQCT và KSXX).

- Điểm a Khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015 quy định rõ bên cạnh việc công bố cáo trạng hay quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn thì KSV có thể "công bố những quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa".

- Như vậy, ngoài hình thức cáo trạng hoặc quyết định truy tố thì VKS còn có thể ban hành những "quyết định khác" về việc buộc tội đối với bị cáo. Nhưng Điều 306 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định KSV công bố cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung nếu có.

- Nghiên cứu quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành thì chưa có điều luật hoặc hướng dẫn nào về việc VKS có thể ban hành những "quyết định" khác (ngoài cáo trạng, quyết định truy tố) về việc buộc tội bị cáo và trên thực tế thì tại phiên tòa KSV cũng chỉ công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố mà thôi. Vì vậy, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015 không phù hợp với các quy định khác có liên quan và không phù hợp với thực tiễn thi hành.

** Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ:*

- Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT tại phiên tòa thì KSV là người tiến hành "*Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ*" nhưng quy định về thứ tự xét hỏi tại Điều 307 BLTTHS năm 2015 lại khiến cho KSV luôn ở thế "bị động" vì quá trình xét hỏi do Thẩm phán điều hành và quyết định.

- Theo đúng tinh thần của điểm b, khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015 thì KSV cần phải ở vị trí là người hỏi trước để chứng minh cho việc buộc tội của mình, sau đó mới đến bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. HĐXX mà chủ yếu là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có vai trò là người điều khiển thủ tục tố tụng tại phiên tòa, chỉ thực hiện việc xét hỏi sau khi các bên đã xét hỏi xong và chỉ hỏi về những vấn đề còn chưa rõ, cần được làm sáng tỏ.

** Luận tội, tranh luận, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa*

- Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT trong giai đoạn xét xử tại khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015 chưa đề cập đến thẩm quyền của VKS (cụ thể là thẩm quyền của KSV) khi luận tội tại phiên tòa có thể kết luận về khoản khác nhẹ hơn hoặc nặng hơn khoản mà VKS đã truy tố trong cùng một điều luật. Trong khi đó, khoản 3 Điều 25 Quy chế THQCT và KSXX lại quy định về việc KSV có thể kết luận về khoản khác nhẹ hơn hoặc nặng hơn khoản mà VKS đã truy tố trong cùng một điều luật.

- Điểm c, khoản 1, Điều 266 BLTTHS năm 2015 quy định VKS có quyền "*kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn"* nhưng Khoản 3 Điều 321 BLTTHS năm 2015 (Luận tội của KSV) và khoản 1 Điều 325 BLTTHS năm 2015 (Xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa) lại chỉ quy định về việc KSV có thể kết luận về tội nhẹ hơn mà không có quy định nào về việc KSV có thể kết luận về tội khác bằng với tội đã truy tố.

- Khoản 1 Điều 325 BLTTHS năm 2015 quy định khi KSV rút một phần quyết định truy tố thì HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vụ án nhưng không quy định cụ thể về việc HĐXX có được tuyên án với phần quyết định truy tố đã bị KSV rút hay không

- Quy định về trường hợp KSV rút toàn bộ quyết định truy tố HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vụ án thể hiện sự mâu thuẫn giữa chức năng xét xử của Tòa án và chức năng công tố của VKS. "Khi KSV đại diện cho VKS rút quyết định truy tố nghĩa là căn cứ của việc xét xử không có thì không còn lý do gì để Tòa án xét xử vụ án nữa, nếu Tòa án vẫn tiếp tục xét xử khi KSV đã rút quyết định truy tố thì vô hình chung Tòa án đã thực hiện cả hai chức năng truy tố và xét xử"[1].

- Khoản 4 Điều 326 BLTTHS năm 2015 quy định, nếu KSV rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa mà HĐXX thấy việc rút quyết định truy tố không có căn cứ thì "*quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị với VKS cùng cấp hoặc VKS cấp trên trực tiếp*". Tuy nhiên, việc KSV rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa không phải là căn cứ tạm đình chỉ vụ án theo quy định của BLTTHS năm 2015.

- Điều 319 BLTTHS năm 2015 và khoản 3 Điều 321 BLTTHS năm 2015 đều quy định về việc KSV "*kết luận về tội nhẹ hơn*".

- Quy định về trường hợp vụ án thuộc thẩm quyền của VKS cấp trên phân công cho VKS cấp dưới THQCT và kiểm sát xét xử mà KSV có căn cứ rút quyết định truy tố tại phiên tòa thì có thể tự ra quyết định rút hay phải đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa để báo cáo lãnh đạo VKS còn chưa có sự thống nhất.

- Về phạm vi nội dung tranh luận, việc quy định trách nhiệm của KSV là phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng *từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác* tại phiên tòa (Điều 322 BLTTHS năm 2015) là chưa phù hợp với địa vị pháp lý của những người tham gia tố tụng tranh luận với KSV tại phiên tòa.

- Tại điểm c khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015 có quy định về việc KSV giữ quyền công tố tại phiên tòa có quyền phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án, nhưng đối chiếu với các quy định khác trong BLTTHS năm 2015 thì không thấy đề cập đến thẩm quyền này của KSV tại phiên tòa xét xử sơ thẩm mà chỉ có quy định về việc KSV phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án trong phiên tòa xét xử phúc thẩm.

2.2.3. Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát sau phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- Sau khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm, VKS tiếp tục THQCT với việc kháng nghị bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp

[1] Nguyễn Văn Tuân (2015), *Một số vấn đề về luật tố tụng hình sự Việt Nam,* Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.216.

sơ thẩm. Điểm d khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015 quy định VKS có nhiệm vụ, quyền hạn "*Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội*".

- Trong giai đoạn XXSTVAHS, BLTTHS năm 2015 quy định quyền kháng nghị vừa là nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT, vừa là nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi kiểm sát xét xử. Tuy nhiên, khi nghiên cứu hồ sơ và quyết định kháng nghị, VKS luôn xem xét toàn diện vụ án, bao gồm cả về mặt tố tụng và nội dung, không phân định kháng nghị đó là THQCT hay kiểm sát hoạt động tư pháp[2]. Điều này đặt ra vấn đề là việc BLTTHS năm 2015 phân định thẩm quyền kháng nghị của VKS như quy định hiện hành có phù hợp với thực tiễn hay không?

2.3. Thực tiễn thi hành quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.3.1. Những kết quả đạt được

- Số lượng vụ án Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát đề điều tra bổ sung có xu hướng giảm;

- Số lượng vụ án đã xét xử mà Tòa án có cùng quan điểm với VKS về tội danh, hình phạt ngày càng tăng;

- Hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa ngày càng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định;

- Chất lượng kháng nghị phúc thẩm tăng lên đáng kể.

2.3.2. Những hạn chế, vướng mắc

** Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự:*

- KSV chưa chủ động nghiên cứu hồ sơ, kịp thời đề xuất lãnh đạo Viện giải quyết những vấn đề phát sinh trước khi mở phiên tòa xét xử.

- KSV thường không tích cực, chủ động trong việc chủ động đề nghị Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung trên thực tiễn thi hành.

- Sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, KSV thường không rút quyết định truy tố (dù có căn cứ rút) mà chờ đến khi mở phiên tòa để đảm bảo thủ tục chặt chẽ theo quy định của BLTTHS.

---

[2] Tôn Thiện Phương (2017), *Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An,* Luận án tiến sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội, tr.74.

** Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*

- Vẫn còn tình trạng Kiểm sát viên thiếu chủ động trong việc xét hỏi tại phiên tòa, xét hỏi chưa thật đầy đủ, toàn diện;

- Nhiều Kiểm sát viên có tâm lý né tránh việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội khác nhẹ hơn tại phiên tòa mặc dù có căn cứ, dẫn đến việc giải quyết vụ án bị kéo dài;

- Việc luận tội của nhiều Kiểm sát viên vẫn còn lệ thuộc quá nhiều vào văn bản đã chuẩn bị trước, ít bám sát diễn biến phiên tòa;

- Việc tranh luận tại phiên tòa của Kiểm sát viên còn nhiều trường hợp có tính hình thức, không ít Kiểm sát viên còn né tránh tranh luận;

- Việc phát hiện sai lầm, vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm sau khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự còn nhiều hạn chế.

2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc:

******Thứ nhất,* nguyên nhân về pháp luật:

- Việc quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể trong tố tụng hình sự chưa đồng bộ với việc xác định địa vị pháp lý và các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự mà chủ thể đó thực hiện. Tòa án không chỉ thực hiện chức năng xét xử mà còn tham gia vào việc thực hiện chức năng buộc tội của VKS (Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ; Tòa án tiếp tục xét xử khi KSV rút toàn bộ quyết định truy tố, Tòa án khởi tố vụ án tại phiên tòa)..

- Trách nhiệm chứng minh tôi phạm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không thống nhất: VKS không được kết luận theo khoản khác nặng hơn khoản đã truy tố, không được kết luận theo tội khác nặng hơn tội đã truy tố, dù kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa có thể làm thay đổi nhận thức về hành vi phạm tội so với thời điểm truy tố.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT và khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự còn chưa có sự phân định rõ ràng.

- Một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành liên quan đến hoạt động THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS còn nhiều bất cập, đặc biệt là quy định về thứ tự xét hỏi tại phiên tòa; trường hợp Tòa án xét xử theo tội danh nặng hơn hoặc khoản khác nặng hơn khoản trong tội danh mà VKS đã truy tố nhưng vượt quá thẩm quyền xét xử của Tòa án…

* *Thứ hai,* nguyên nhân khác:

- Hạn chế về trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, KSV.

- Hạn chế về việc chỉ đạo, điều hành của VKS các cấp;

- Hạn chế trong việc tổ chức cán bộ, phân công, phân nhiệm trong ngành kiểm sát.

- Điều kiện, phương tiện làm việc, chế độ, chính sách đối với cán bộ, KSV chưa bảo đảm.

Chương 3
YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- Nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS đáp ứng yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay;

- Nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS phải phù hợp với quy định trong Hiến pháp, đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật tố tụng hình sự và hệ thống pháp luật nói chung.

- Nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn XXST VAHS phải phù hợp với yêu cầu bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự;

- Nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS phải phù hợp với yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS phải đảm bảo các nguyên tắc tố tụng hình sự.

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

- *Thứ nhất,* về một số nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự Việt Nam, NCS cho rằng cần phải sửa đổi như sau:

+ Sửa đổi quy định tại Điều 20 BLTTHS năm 2015:

"Điều 20: Trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát *các hoạt động tư pháp* trong tố tụng hình sự

Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội.

Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự, kiểm sát tính hợp pháp trong hoạt động của các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, nhằm bảo đảm mọi vi phạm pháp luật của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng theo quy định của pháp luật."

+ Sửa đổi quy định tại Điều 15 BLTTHS năm 2015:

"Điều 15: Nguyên tắc xác định sự thật vụ án

Trách nhiệm xác định sự thật vụ án thuộc về các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát. Tòa án ra phán quyết dựa trên sự thật của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ."

+ Sửa đổi quy định tại Điều 18 BLTTHS năm 2015:

"Điều 18. Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm khởi tố vụ án, áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, pháp nhân phạm tội.

Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định."

- *Thứ hai,* về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng, Phó viện trưởng, Kiểm sát viên, NCS đề xuất sửa đổi quy định tại Điều 41, 42 BLTTHS năm 2015 như sau:

"Điều 41: Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát

1. (giữ nguyên)

2. Khi thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, ***Kiểm sát viên là*** *Viện trưởng Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn: .....*

3. Khi kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự, ***Kiểm sát viên là*** *Viện trưởng Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn:...."*

"Điều 42: Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên

1. Khi được phân công thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, Kiểm sát viên có những nhiệm vụ, quyền hạn: ....

2. Khi được phân công kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự, Kiểm sát viên có những nhiệm vụ, quyền hạn....."

- *Thứ ba,* về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, NCS đề xuất sửa đổi một số quy định như sau:

+ Bổ sung thêm quy định về việc thay đổi giới hạn xét xử dẫn đến thay đổi về thẩm quyền xét xử sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 274 BLTTHS năm 2015 tại Điều 298 BLTTHS năm 2015:

"**Điều 298: Giới hạn xét xử**

1. (giữ nguyên)

2. (giữ nguyên)

3. (giữ nguyên)

4. Nếu việc thay đổi giới hạn xét xử dẫn đến việc thay đổi thẩm quyền xét xử thì giải quyết theo Điều 274 Bộ luật này".

+ Sửa đổi quy định tại Điều 280 BLTTHS năm 2015 theo hướng: bỏ quy định về việc Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung theo các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 280, tiếp tục quy định căn cứ đề trả hồ sơ điều tra bổ sung là quá trình điều tra, truy tố, xét xử có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (điểm d, khoản 1 Điều 280 BLTTHS năm 2015) và bổ sung thêm căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung theo đề nghị của VKS.

+ Sửa đổi quy định tại Điều 153 BLTTHS năm 2015 (Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự) theo hướng bỏ quy định về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của HĐXX; đồng thời sửa đổi quy định tại khoản 7 Điều 326 BLTTHS năm 2015 về việc nghị án của HĐXX, theo đó, tại phiên tòa nếu phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm thì HĐXX *kiến nghị VKS khởi tố vụ án* thay vì tự mình ra quyết định khởi tố vụ án.

- *Thứ tư,* về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, NCS cho rằng cần phải hoàn thiện quy định tại khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015 theo hướng cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của VKS ở cả ba thời điểm trước khi mở phiên tòa, tại phiên tòa và sau khi kết thúc phiên tòa XXSTVAHS như sau:

“ Điều 266: Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử

1.Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thực hành quyền công tố trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm: rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; đề nghị Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung; yêu cầu Tòa án triệu tập người tham gia tố tụng, yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét tại phiên tòa; kháng nghị quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ của Tòa án trong trường hợp có căn cứ xác định oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người hoặc pháp nhân phạm tội;

b) Thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm: Công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn;yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng; xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ; rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; luận tội; kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; kết luận về khoản khác nhẹ hơn hoặc nặng hơn khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật; tranh luận.

c) Thực hành quyền công tố sau phiên tòa xét xử sơ thẩm: Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp có căn cứ xác định oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người hoặc pháp nhân phạm tội.”

- *Thứ năm*, đối với các quy định khác trong BLTTHS năm 2015 về THQCT của VKS trong giai đoạn XXSTVAHS, NCS đề xuất sửa đổi một số quy định như sau:

+ Bổ sung quy định tại Điều 285 BLTTHS năm 2015 về việc VKS rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa:

"Điều 285. Viện kiểm sát rút quyết định truy tố

Khi xét thấy có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật này hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật hình sự thì Viện kiểm sát *rút một phần hoặc toàn bộ* quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa. *Trường hợp Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố thì Tòa án chỉ quyết định đưa ra xét xử phần mà Viện kiểm sát vẫn truy tố, trường hợp VKS rút toàn bộ quyết định truy tố thì Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án*.”

+ Bổ sung quy định tại Điều 299 BLTTHS năm 2015 về việc HĐXX có thể mở phiên họp trong trường hợp VKS rút toàn bộ quyết định truy tố khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, trước khi mở phiên tòa:

"Điều 299.Việc ra bản án, quyết định của Tòa án

1. (Giữ nguyên)

2. Quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án, hoãn phiên tòa, bắt tạm giam hoặc trả tự do cho bị cáo phải được thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và được lập thành văn bản. *Đối với trường hợp đình chỉ vụ án do Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, trước khi mở phiên tòa thì Hội đồng xét xử tiến hành họp và ra quyết định đình chỉ vụ án mà không phải mở phiên tòa".*

3. (Giữ nguyên)".

+ Sửa đổi quy định về trình tự xét hỏi tại Điều 307 BLTTHS năm 2015:

"Điều 307. Trình tự xét hỏi

1. Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi.

2. Khi xét hỏi từng người, *Chủ tọa phiên tòa quyết định để Kiểm sát viên và người bào chữa hỏi trước, sau đó đến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi. Thẩm phán, Hội thẩm hỏi thêm những vấn đề còn chưa rõ để làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án.*

Người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ.

Người giám định, người định giá tài sản được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định, định giá tài sản.

3. Khi xét hỏi, Hội đồng xét xử*, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự* xem xét vật chứng có liên quan đến vụ án".

+ Sửa đổi tên gọi của Điều 319 BLTTHS năm 2015 "Kiểm sát viên rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa" thành "*Kiểm sát viên rút quyết định truy tố tại phiên tòa"* với nội dung như sau:

"Điều 319: Kiểm sát viên rút quyết định truy tố tại phiên tòa

Sau khi kết thúc việc xét hỏi, Kiểm sát viên có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố"

+ Sửa đổi tên gọi của Điều 325 BLTTHS năm 2015 "*Xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa*" thành "*Xem xét việc rút quyết định truy tố tại phiên tòa*" với nội dung như sau:

"Điều 325: Xem xét việc rút quyết định truy tố tại phiên tòa

1.Khi Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố thì Tòa án chỉ xét xử phần mà Viện kiểm sát vẫn truy tố.

2. Khi Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ vụ án hoặc tuyên bị cáo vô tội."

+ Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 326 BLTTHS năm 2015 về cách giải quyết của HĐXX trong trường hợp KSV rút toàn bộ quyết định truy tố và bổ sung khoản 6 về thẩm quyền đình chỉ vụ án của HĐXX như sau:

"Điều 326: Nghị án

1.(giữ nguyên)

2. (giữ nguyên)

3. (giữ nguyên)

4. Trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ vụ án, nếu có căn cứ xác định bị cáo không có tội thì tuyên bị cáo không có tội.

5. (giữ nguyên)

6. Kết thúc việc nghị án, HĐXX phải quyết định một trong các vấn đề:

a) Ra bản án và tuyên án;

b) Trở lại việc xét hỏi và tranh luận nếu có tình tiết vụ án chưa được xét hỏi, chưa được làm sáng tỏ;

c) Trả hồ sơ vụ án để VKS điều tra bổ sung; yêu cầu VKS bổ sung tài liệu, chứng cứ;

d) Tạm đình chỉ vụ án;

đ) Đình chỉ vụ án.

HĐXX phải thông báo cho những người có mặt tại phiên tòa và người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa về các quyết định tại điểm c,d,đ khoản này.

7. (sửa đổi theo hướng bỏ thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của HĐXX)".

+ Bổ sung thêm quy định tại Điều 321 BLTTHS năm 2015 (Luận tội của KSV) về việc KSV có thể *kết luận về tội khác bằng với tội mà Viện kiểm sát đã truy tố, về một khoản khác nhẹ hơn hoặc nặng hơn trong cùng điều luật* để phù hợp với quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 266 BLTTHS năm 2015 và hướng dẫn trong khoản 2 Điều 21 Quy chế THQCT và KSXX.

+ Sửa đổi quy định tại Điều 322 BLTTHS năm 2015:

"Điều 322. Tranh luận tại phiên tòa

1. Bị cáo, người bào chữa, *những người tham gia tranh luận* có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với Kiểm sát viên *về những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người mà mình bảo vệ.*

Bị cáo, người bào chữa, *những người tham gia tranh luận* có quyền đưa ra đề nghị của mình.

3. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, bị hại*, những người tham gia tranh luận khác* trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại

Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến của *những người tham gia tranh luận* mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận.

4. (giữ nguyên)".

+ Bỏ quy định tại khoản 5 Điều 267 BLTTHS năm 2015, sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 267 BLTHS năm 2015 theo hướng:

"6. Kiến nghị, yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này; kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm trong hoạt động tố tụng *và vi phạm về thủ tục tố tụng*."

- *Thứ sáu,* hoàn thiện quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử nhằm đảm bảo sự thống nhất với quy định của BLTTHS năm 2015.

- *Thứ sáu,* VKS cần khẩn trương xây dựng, ban hành các hướng dẫn nghiệp vụ của ngành liên quan đến công tác THQCT; cần sớm ban hành các quy chế phối hợp giữa VKS và Tòa án trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự.

3.2.2. Các giải pháp khác

- Đảm bảo số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, KSV;

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, phân công, phân nhiệm trong ngành;

- Kiện toàn cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ, chính sách đối với cán bộ, KSV.

KẾT LUẬN CHUNG

Thông qua việc nghiên cứu đề tài "Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự" có thể đi đến những kết luận cơ bản như sau:

1. Thực hành quyền công tố xuất phát từ nhu cầu tự nhiên của bất kì một Nhà nước nào trước yêu cầu của việc bảo đảm pháp chế, bảo vệ quyền lợi chung của Nhà nước, xã hội và công dân. Đặc biệt, giai đoạn XXSTVAHS với ý nghĩa là thủ tục tố tụng công khai nhằm xử lý người có hành vi nguy hiểm cho xã hội là nơi hội tụ đầy đủ các bên trong quan hệ pháp luật tố tụng hình sự nên đòi hỏi phải có sự cụ thể hóa cao quyền và nghĩa vụ của các bên, đặc biệt là các chủ thể đại diện cho quyền lực Nhà nước.

2.Với vị trí là cơ quan THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS, nhiệm vụ, quyền hạn của VKS phải được thể hiện đầy đủ ở cả ba thời điểm trước, trong và sau khi kết thúc phiên tòa xét XXSTVAHS. Sự có mặt của cơ quan VKS khi THQCT trong giai đoạn XXST ở cả ba thời điểm đó vừa để thực hiện chức năng buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, vừa đảm bảo chống lại sự "lạm quyền" trong xét xử của Tòa án.

3. Đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam đã có những đổi mới căn bản, đặc biệt là sự ra đời của BLTTHS năm 2015, Luật TC VKSND năm 2014 với quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT trong giai đoạn XXSTVAHS. Tuy nhiên, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam còn bộc lộ bất cập, hạn chế khi chưa quy định đầy đủ và hợp lý nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong tố tụng hình sự nói chung và giai đoạn XXSTVAHS nói riêng.

4.Thực tiễn thi hành quy định của pháp luật tố tụng hình sự về THQCT của VKS trong giai đoạn XXST đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng còn tồn tại nhiều hạn chế, một phần xuất phát từ nguyên nhân pháp luật, nhưng cũng có nguyên nhân xuất phát từ năng lực chuyên môn của cán bộ, KSV, khả năng lãnh đạo, điều hành, quản lý của lãnh đạo các cấp kiểm sát, điều kiện trang thiết bị, cơ sở vật chất của ngành kiểm sát còn thiếu.

5.Các giải pháp nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn XXST gồm các giải pháp hoàn thiện pháp luật một cách có hệ thống, đầy đủ và các giải pháp khác như nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ KSV, đảm bảo số lượng KSV các cấp, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành các cấp lãnh đạo kiểm sát, kiện toàn cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ, chính sách đối với cán bộ, KSV.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. "Hoạt động thực hành quyền công tố trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm một số quốc gia trên thế giới- So sánh với pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam", *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, (05);
2. "Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm và kiến nghị hoàn thiện", *Tạp chí Kiểm sát,* (07).
3. "Chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự", *Tạp chí Luật học* (2).